

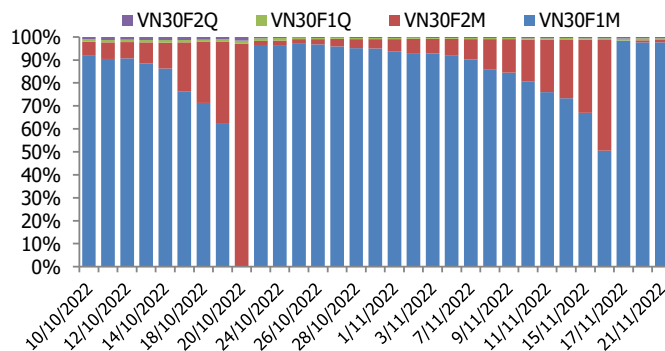
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ        | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI     |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2212 | 15/12/2022   | 24      | 938.20   | 44,761 |
| VN30F2301 | 19/1/2023    | 59      | 935.00   | 450    |
| VN30F2303 | 16/3/2023    | 115     | 936.50   | 338    |
| VN30F2306 | 15/6/2023    | 206     | 929.80   | 282    |

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Bên Short chiếm ưu thế hoàn toàn trên thị trường tương lai, qua đó kéo theo mức giảm -24,8 điểm của hợp đồng tương lai VN30F2212. Hợp đồng này giảm mạnh hơn chỉ số cơ sở qua đó quay lại với khoảng cách chênh lệch âm -18,69 điểm. Các hợp đồng còn lại thiết lập mức chênh lệch âm, từ -27,09 điểm đến -20,39 điểm, điều này cho thấy nhà đầu tư đang thận trọng về triển vọng ngắn hạn của VN30-Index.
- Thị trường cơ sở cũng điều chỉnh phiên đầu tiên sau 3 phiên tăng liên tiếp, áp lực giảm đến từ nhóm cổ phiếu bluechips. Tuy thị trường giảm điểm nhưng độ rộng thị trường vẫn tích cực, bình quân cứ 2 cổ phiếu tăng mới có 1 cổ phiếu giảm. Sức ép chốt lời từ nhóm cổ phiếu bluechips khiến dòng tiền dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu nhỏ, đặc biệt là nhóm cổ phiếu đầu cơ.
- Dao động trong biên rộng là kịch bản được tính đến trong tuần này, vì vậy cơ hội đang phân đều cho hai bên. Theo đó, chiến lược "mua thấp, bán cao" sẽ phù hợp. Trong kịch bản giá phục hồi từ nền 930-935 điểm, nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế mua với mục tiêu giá tiến lên sát ngưỡng 945-950 điểm. Trường hợp giá thủng nền 930 điểm sẽ là điều kiện để bên bán gia tăng sức ép.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

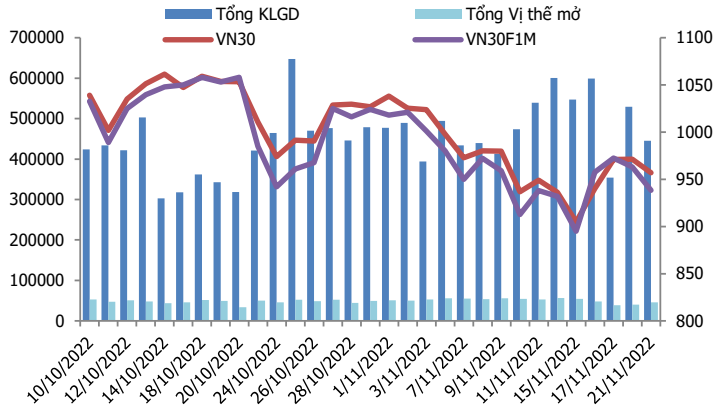
Nhà đầu tư có thể xem xét rải lệnh Mua quanh khu vực 931-935 điểm trong các pha điều chỉnh. Điểm quản trị rủi ro là mốc hỗ trợ 926 điểm, hướng đến mức giá mục tiêu 950-955 điểm, tùy phản ứng giá để xem xét có nên chốt vị thế sớm, áp dụng chiến lược giao dịch trong biên độ. Chiến lược Short sẽ được kích hoạt tại các nhịp hồi phục với vùng kháng cự gần 950-953 điểm.

### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm tạm thời chưa được khuyến khích.

### Chiến lược giao dịch spread

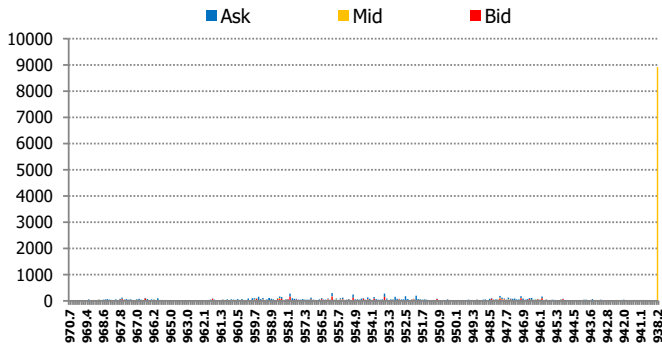
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN**

| Hợp đồng    | Giá   | % Chg | KLGD    | % Chg | OI     | % Chg |
|-------------|-------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2212   | 938.2 | -2.58 | 443,488 | -15.7 | 44,761 | 15.0  |
| VN30F2301   | 935.0 | -2.58 | 769     | -47.9 | 450    | 32.7  |
| VN30F2303   | 936.5 | -1.94 | 161     | -76.6 | 338    | 0.6   |
| VN30F2306   | 929.8 | -2.49 | 528     | -29.0 | 282    | 20.5  |
| <b>Tổng</b> |       |       | 444,946 | -15.9 | 45,831 | 15.0  |

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL**

- Bên Short chiếm ưu thế hoàn toàn trên thị trường tương lai, qua đó kéo theo mức giảm -24,8 điểm của hợp đồng tương lai VN30F2212. Thị trường cơ sở cũng điều chỉnh phiên đầu tiên sau 3 phiên tăng liên tiếp, áp lực giảm đến từ nhóm cổ phiếu bluechips. Tuy thị trường giảm điểm nhưng độ rộng thị trường vẫn tích cực, bình quân cứ 2 cổ phiếu tăng mới có 1 cổ phiếu giảm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 15,84% so với phiên liền trước, đạt 444.946 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 12 với 443.488 hợp đồng. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 12 với 1.828 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 17.075 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2212 là 957,7 điểm (cao hơn 19,5 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2301 là 958,89 điểm (+23,89 điểm), VN30F2303 là 960,79 điểm (+24,29 điểm) và VN30F2306 là 963,89 điểm (+34,09 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

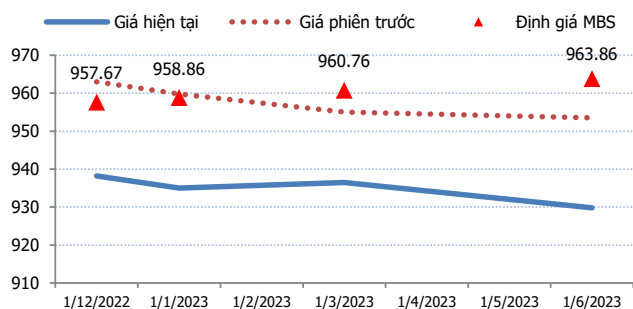
| Khung thời gian | 15m            | 1h             | Daily            |
|-----------------|----------------|----------------|------------------|
| <b>Tổng kết</b> | <b>SELL</b>    | <b>BUY</b>     | <b>SELL</b>      |
| <b>Hỗ trợ</b>   | <b>931-935</b> | <b>920-925</b> | <b>860-875</b>   |
| <b>Kháng cự</b> | <b>950-953</b> | <b>975-978</b> | <b>1050-1080</b> |

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**

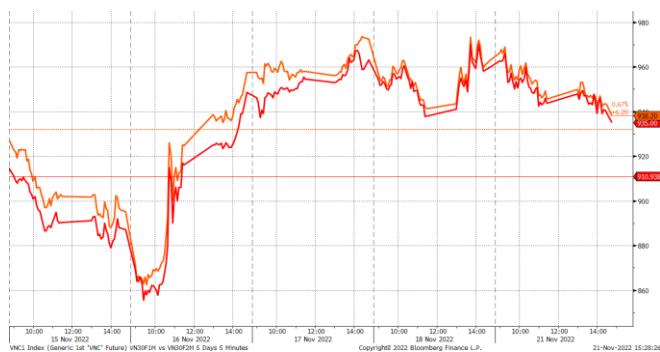


| Spread HĐTL       | Hiện tại | Phiên trước | +/-  | MA5    |
|-------------------|----------|-------------|------|--------|
| VN30F2M - VN30F1M | -3.2     | -3.20       | 0    | -6.58  |
| VN30F1Q - VN30F1M | -1.7     | -8.00       | 6.3  | -13.66 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 1.5      | -4.80       | 6.3  | -7.08  |
| VN30F2Q - VN30F1M | -8.4     | -9.50       | 1.1  | -15.44 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -5.2     | -6.30       | 1.1  | -8.86  |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -6.7     | -1.50       | -5.2 | -1.78  |

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**

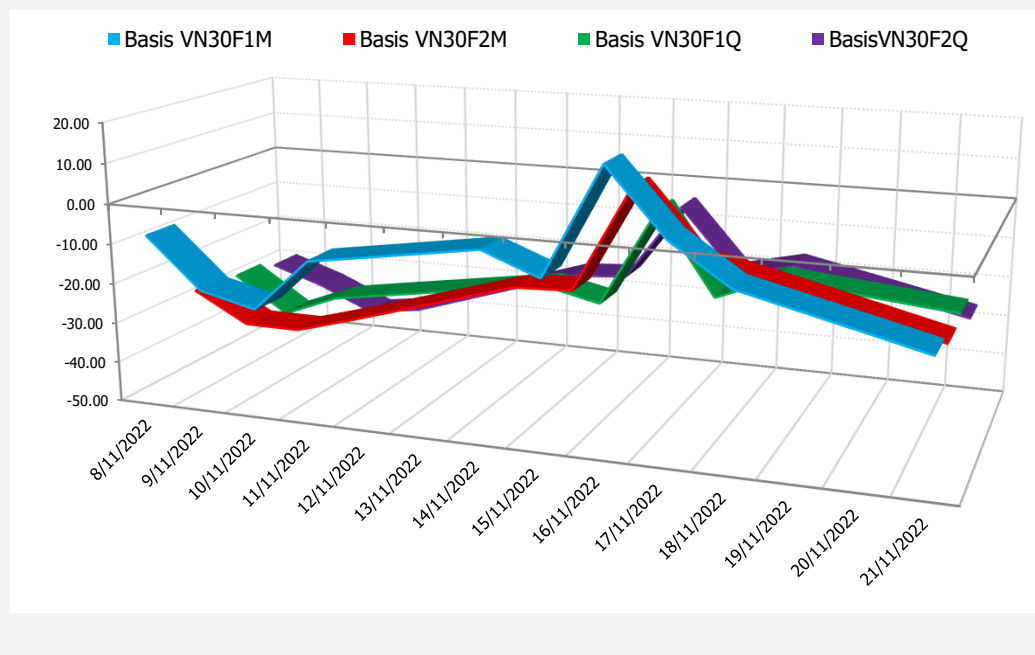


**NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL**

- Hợp đồng tháng 12 giảm mạnh hơn chỉ số cơ sở qua đó quay lại với khoảng cách chênh lệch âm -18,69 điểm. Các hợp đồng còn lại thiết lập mức chênh lệch âm, từ -27,09 điểm đến -20,39 điểm, điều này cho thấy nhà đầu tư đang thận trọng về triển vọng ngắn hạn của VN30-Index.

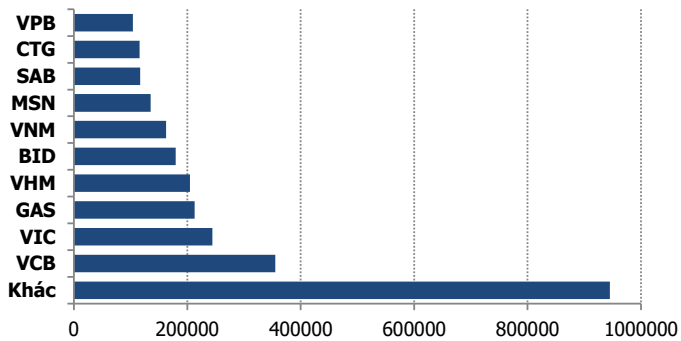
Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng -8,4 điểm đến +1,5 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2301-VN30F2212) không thay đổi. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**

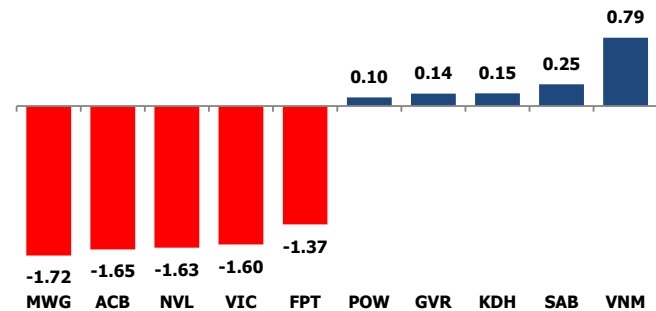


|                              | VNIndex  | VN30     |
|------------------------------|----------|----------|
| <b>Đóng cửa</b>              | 960.65   | 956.89   |
| <b>Thay đổi</b>              | -8.68    | -14.31   |
| <b>%Chg</b>                  | -0.90    | -1.47    |
| <b>YTD</b>                   | -35.88   | -37.69   |
| <b>Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)</b> | 3,834.74 | 2,776.45 |
| <b>P/E</b>                   | 10.06    | 8.20     |
| <b>P/B</b>                   | 1.54     | 1.51     |

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (20) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (7) và 3 mã đứng tham chiếu. MWG và ACB trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,72 điểm và -1,65 điểm; ngoài ra NVL, VIC hay FPT cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 14,31 điểm (-1,47%) xuống 956,89 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 170,8 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 3.547 tỷ đồng.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 11 liên tiếp với 83,95 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như VPB (+55 tỷ đồng), HPG (+52 tỷ đồng), VNM (+40 tỷ đồng), MBB (+36 tỷ đồng), MSN (+31 tỷ đồng).

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



| Chỉ số     | Điểm số   | %Chg   | P/E   | YTD     |
|------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIIndex   | 960.65    | (0.90) | 10.06 | (35.88) |
| Dow Jones  | 33,700.28 | (0.13) | 19.40 | (7.26)  |
| S&P500     | 3,949.94  | (0.39) | 19.12 | (17.13) |
| Nikkei 225 | 28,182.46 | 0.85   | 19.07 | (2.12)  |
| Shanghai   | 3,085.04  | (0.39) | 13.80 | (15.24) |
| DAX        | 14,379.93 | (0.36) | 13.11 | (9.47)  |
| Vàng       | 1,743.80  | 0.33   |       | (4.67)  |
| Dầu WTI    | 80.07     | 0.04   |       | 6.46    |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

|  | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|--------|---------|
| <b>Thứ Hai - 21/11/2022</b>                          |          |        |         |
| Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản của PBoC        | 3.65%    | 3.65%  | 3.65%   |
| <b>Thứ Ba - 22/11/2022</b>                           |          |        |         |
| Canada - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 9) | 0.7%     | -0.6%  |         |
| <b>Thứ Tư - 23/11/2022</b>                           |          |        |         |
| Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 11)                 | 45.1     | 45.2   |         |
| Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp                 | 48.2     | 47.2   |         |
| Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất        | 46.2     | 45.7   |         |
| Anh - Chỉ số PMI dịch vụ                             | 48.8     | 48.0   |         |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu             | 222K     | 225K   |         |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô                                  | -5,400M  |        |         |
| <b>Thứ Năm - 24/11/2022</b>                          |          |        |         |
| Đức - Chỉ số môi trường kinh doanh Ifo (Tháng 11)    | 84.3     | 85.0   |         |
| <b>Thứ Sáu - 25/11/2022</b>                          |          |        |         |
| Đức - GDP (quý/quý) (Quý 3)                          | 0.3%     | 0.3%   |         |

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Những lo ngại rằng Trung Quốc có thể một lần nữa siết chặt phong tỏa Covid-19 sau thông tin về các trường hợp tử vong đã gây áp lực lên thị trường, khiến nhóm cổ phiếu năng lượng và giá dầu giảm. Nhà đầu tư cũng tìm kiếm thêm dữ liệu từ Fed về các đợt nâng lãi suất trong tương lai. Đóng cửa, chỉ số S&P 500 lùi 0,39% xuống 3.949,94 điểm, chỉ số Nasdaq Composite mất 1,09% còn 11.024,51 điểm và chỉ số Dow Jones hạ 45,41 điểm (-0,13%) xuống 33.700,28 điểm, mặc dù đà giảm của chỉ số này đã được kim lại bởi đà tăng của cổ phiếu Disney.
- Kết phiên, giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2023 có giá 87,45 USD, giảm 17 cent so với đóng cửa phiên thứ Sáu (18/11); dầu Tây Texas Mỹ (WTI) kỳ hạn tháng 12 ở mức 79,73 USD/thùng, giảm 35 cent trước khi hợp đồng hết hạn vào cuối ngày; dầu WTI kỳ hạn tháng 1/2023 giảm 7 cent xuống còn 80,04 USD/thùng.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong hơn một tuần vào thứ Hai, giảm hơn 1% do đồng đô la kéo dài đà tăng, trong khi sự chú ý của thị trường chuyển sang biên bản cuộc họp tháng 11 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ do tuần lễ này được rút ngắn vì lễ Phục sinh. Giá vàng giao ngay giảm 0,7% vào cuối phiên, xuống 1.738,40 USD/ounce, vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 giảm 0,8% xuống còn 1.739,6 USD.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 MWG, ACB và NVL là những nguyên nhân chính đẩy chỉ số VN30 quay lại đà giảm điểm. Trong đó, MWG gây ảnh hưởng -1,72 điểm tới chỉ số VN30.



**DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30**

| Cổ phiếu | Ngành  | Tỷ trọng (%) | Giá     | %Chg  | H-L   | GTGD    | Điểm tác động | PE     | PB   |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|--------|------|
| VPB      | Banks  | 7.40         | 15,500  | 0.00  | 3.97% | 175.846 | 0.00          | 5.17   | 1.10 |
| FPT      | Electronic Equipment, Instruments & Components       | 7.15         | 70,100  | -1.96 | 3.31% | 59.139  | -1.37         | 14.60  | 3.87 |
| VNM      | Food Products  | 7.12         | 77,900  | 1.17  | 1.30% | 137.962 | 0.79          | 20.62  | 5.23 |
| VIC      | Real Estate Management & Development                 | 6.67         | 64,000  | -2.44 | 4.87% | 77.466  | -1.60         | 223.67 | 2.15 |
| MSN      | Food Products  | 6.66         | 95,100  | -0.11 | 1.93% | 59.872  | -0.07         | 14.10  | 5.28 |
| ACB      | Banks  | 6.47         | 20,600  | -2.60 | 2.91% | 47.528  | -1.65         | 5.25   | 1.25 |
| VHM      | Real Estate Management & Development                 | 5.59         | 46,950  | -2.19 | 4.92% | 126.556 | -1.20         | 6.50   | 1.51 |
| TCB      | Banks  | 5.55         | 22,250  | -1.98 | 3.82% | 102.009 | -1.07         | 3.68   | 0.72 |
| HPG      | Metals & Mining                                      | 5.23         | 14,950  | -0.99 | 3.39% | 473.329 | -0.50         | 5.62   | 0.89 |
| MWG      | Specialty Retail                                     | 4.88         | 40,650  | -3.56 | 3.20% | 72.543  | -1.72         | 11.60  | 2.55 |
| MBB      | Banks  | 4.28         | 15,700  | 0.00  | 3.21% | 169.784 | 0.00          | 4.05   | 0.98 |
| VCB      | Banks  | 4.27         | 75,000  | -1.96 | 2.00% | 83.615  | -0.82         | 13.43  | 2.77 |
| STB      | Banks  | 3.44         | 16,700  | -2.34 | 4.19% | 297.058 | -0.79         | 7.59   | 0.85 |
| VJC      | Airlines   | 2.98         | 100,600 | -1.57 | 4.18% | 10.962  | -0.45         | 881.12 | 3.11 |
| HDB      | Banks  | 2.85         | 14,800  | -1.33 | 4.44% | 19.054  | -0.37         | 4.93   | 1.06 |
| VRE      | Real Estate Management & Development                 | 2.61         | 26,300  | -4.71 | 5.36% | 46.593  | -1.24         | 28.93  | 1.84 |
| VIB      | #N/A   | 2.34         | 18,500  | 0.54  | 3.00% | 45.31   | #N/A          | 4.65   | 1.28 |
| NVL      | Real Estate Management & Development                 | 2.32         | 27,250  | -6.84 | 0.00% | 17.192  | -1.63         | 18.61  | 1.43 |
| TPB      | Banks  | 1.96         | 20,600  | 0.00  | 3.50% | 65.215  | 0.00          | 5.38   | 1.06 |
| CTG      | Banks  | 1.90         | 24,100  | -2.43 | 2.90% | 138.35  | -0.45         | 7.44   | 1.10 |
| SSI      | Capital Markets                                      | 1.83         | 16,100  | -0.92 | 3.45% | 202.767 | -0.16         | 7.15   | 1.09 |
| SAB      | Food Products  | 1.41         | 182,600 | 1.90  | 2.22% | 13.349  | 0.25          | 21.67  | 4.80 |
| GAS      | Gas Utilities  | 1.16         | 111,300 | -2.62 | 3.62% | 19.264  | -0.30         | 15.97  | 3.76 |
| KDH      | Real Estate Management & Development                 | 1.14         | 22,400  | 1.36  | 2.96% | 66.054  | 0.15          | 12.54  | 1.40 |
| BID      | Banks  | 0.79         | 35,500  | -1.25 | 2.82% | 46.112  | -0.10         | 11.09  | 1.87 |
| POW      | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.53         | 10,300  | 1.98  | 3.96% | 78.628  | 0.10          | 20.65  | 0.81 |
| PDR      | Capital Markets                                      | 0.50         | 17,100  | -6.81 | 0.00% | 2.951   | -0.35         | 5.28   | 1.36 |
| BVH      | Beverages  | 0.39         | 47,700  | -1.24 | 2.94% | 24.572  | -0.05         | 20.22  | 1.59 |
| PLX      | Oil, Gas & Consumable Fuels                          | 0.35         | 25,300  | 0.80  | 4.46% | 19.827  | 0.03          | 34.30  | 1.38 |
| GVR      | Real Estate Management & Development                 | 0.23         | 13,000  | 7.00  | 4.84% | 36.292  | 0.14          | 12.24  | 1.03 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30                      | Đặc điểm sản phẩm   |
|-----|---|---|
| 1   | <b>Mã hợp đồng</b>                              | VN30F-yy-mm   |
| 2   | <b>Tài sản cơ sở</b>                            | Chỉ số cổ phiếu VN30  |
| 3   | <b>Hệ số nhân hợp đồng</b>                      | 100.000 đồng  |
| 4   | <b>Quy mô 01 hợp đồng</b>                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |
| 5   | <b>Tháng đáo hạn</b>                            | -Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất   |
| 6   | <b>Phương thức giao dịch</b>                    | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận   |
| 7   | <b>Thời gian giao dịch</b>                      | <b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45<br><b>GD khớp lệnh liên tục</b> - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30<br><b>GD Thỏa thuận</b> - 08h45 - 14h45                                      |
|     | <b>Các loại lệnh giao dịch</b>                  | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |
|     | <b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>                     | Ưu tiên giá và thời gian.   |
| 10  | <b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>      | 01 hợp đồng   |
| 11  | <b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>         | 500 hợp đồng  |
| 12  | <b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>                 | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |
| 13  | <b>Biên độ dao động</b>                         | +/- 7%  |
| 14  | <b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>                 | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.  |
| 15  | <b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>                | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |
| 16  | <b>Phương thức thanh toán</b>                   | Thanh toán bằng tiền  |
| 17  | <b>Giá thanh toán hàng ngày</b>                 | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |
| 18  | <b>Giá thanh toán cuối cùng</b>                 | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |
| 19  | <b>Giá tham chiếu</b>                           | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |
| 20  | <b>Mở tài khoản</b>                             | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | <b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b> | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng   |
| 22  | <b>Mức ký quỹ ban đầu</b>                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | <b>Mức ký quỹ duy trì</b>                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.  |
| 24  | <b>Ký quỹ bổ sung</b>                           | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.  |
| 25  | <b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>             | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |

## **TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM**

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## **MBS HỘI SỞ**

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## **KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

|                |                          |  |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a> |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a> |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:long.dinhviet@mbs.com.vn">long.dinhviet@mbs.com.vn</a> |